

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/DS-ST

Ngày: 29 – 3 – 2024

“*V/v Tranh chấp hợp
đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 363/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng N .

Địa chỉ: Số nhà 02 đường L , phường Th , Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoài Ph, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 45C đường Ng , khóm A, Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ph1, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 86 ấp G , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1969 (Vắng mặt).
- Chị Nguyễn Thị Diễm M , sinh năm 1992 (Có mặt).
- Chị Nguyễn Thị B , sinh năm 1993 (Vắng mặt).
- Anh Nguyễn Khải H1, sinh năm 2002 (Vắng mặt).
- Anh Nguyễn Khải M1, sinh năm 2002 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 86 ấp G , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2023 của nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện do nguyên đơn ủy quyền ông Nguyễn Hoài Ph trình bày:

Ngày 02/3/2017, Ngân hàng N – Chi nhánh thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn Văn Ph1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201700245. Theo Hợp đồng, Ngân hàng cho ông Ph1 vay số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay để nuôi Tôm; lãi suất 10,5%/năm; trả lãi hàng quý, thời hạn vay là 12 tháng, trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, ông Nguyễn Văn Ph1 và bà Nguyễn Thị H đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 149/HĐ/29/2017/HĐTC ngày 02/3/2017 tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số E 0629175 diện tích 9960m² tại thửa số 683 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp G , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ph1 ngày 20/4/1996.

Tính đến ngày 29/3/2024, ông Ph1 còn nợ của Ngân hàng tổng cộng là 258.761.301đ (hai trăm năm mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn ba trăm lẻ một đồng); trong đó vốn gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 76.419.863đ (bảy mươi sáu triệu bốn trăm mười chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng), lãi quá hạn là 32.341.438đ (ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông Ph1– bà H yêu cầu thanh toán nghĩa vụ trả nợ nêu trên, tuy nhiên ông Ph1– bà H vẫn không thực hiện.

Nay, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Nguyễn Văn Ph1 và bà

Nguyễn Thị H phải thanh toán số nợ nêu trên. Đồng thời, ông Ph1 – bà H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất của Hợp đồng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông Ph1 – bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ph1 trình bày: Đúng là vợ chồng ông Ph1 có vay của Ngân hàng đúng như người đại diện Ngân hàng trình bày. Theo Hợp đồng, Ngân hàng cho ông Ph1 vay số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay để nuôi Tôm; lãi suất 10.5%/năm; trả lãi hàng quý, thời hạn vay là 12 tháng, trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, ông Ph1 và bà H đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 149/HĐ/29/2017/HĐTC ngày 02/3/2017 tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số E 0629175 diện tích 9960m² tại thửa số 683 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp G , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ph1 ngày 20/4/1996. Tài sản này tuy là đứng tên hộ nhưng thực tế đây là tài sản của vợ chồng ông Ph1 – bà H được cha mẹ cho, hiện nay do vợ chồng ông Ph1 – bà H trực tiếp quản lý để nuôi Tôm.

Ông Ph1 vay để vợ chồng ông nuôi Tôm, cùng phát triển kinh tế gia đình nhưng do nuôi Tôm thua lỗ nên ông Ph1 còn nợ Ngân hàng dư nợ tính đến ngày 29/3/2024 tổng cộng là 258.761.301đ (hai trăm năm mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn ba trăm lẻ một đồng); trong đó vốn gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 76.419.863đ (bảy mươi sáu triệu bốn trăm mười chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng), lãi quá hạn là 32.341.438đ (ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) đúng như Ngân hàng trình bày.

Ông Ph1 xin Ngân hàng gia hạn cho vợ chồng ông, trả trước phần lãi trong hạn, số nợ gốc mỗi năm trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nếu trúng tôm vợ chồng ông sẽ thanh toán dứt điểm số nợ trên cho Ngân hàng. Nếu đúng hạn thanh toán mà vợ chồng ông không trả được thì ông Ph1 đồng ý cho Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết bà H trình bày: Bà H thống nhất với lời trình bày của ông Ph1. Xin Ngân hàng gia hạn cho vợ chồng bà trả từ từ, nếu trúng tôm vợ chồng bà sẽ thanh toán dứt điểm số nợ trên cho Ngân hàng. Nếu đúng hạn thanh toán mà vợ chồng bà không trả được thì bà H đồng ý cho Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Diễm M trình bày: Chị M thống nhất với lời trình bày của ông Ph1 về số nợ ông Ph1 vay, chị M là con của ông Ph1– bà H , hiện nay, chị M đang sống cùng với cha mẹ. Đối với diện tích đất ông Ph1 – bà H thế chấp là tài sản của ông Ph1 – bà H . Hiện nay, cha mẹ của chị M lớn tuổi, mẹ lại bệnh Tim, mấy năm nay nuôi Tôm thua lỗ nên mới không trả được cho Ngân hàng. Xin Ngân hàng gia hạn cha mẹ chị trả từ từ, sau phiên tòa hôm nay, ông Ph1 sẽ trả trước phần lãi trong hạn, số nợ gốc xin Ngân hàng cho ông Ph1– bà H mỗi năm trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nếu trúng tôm thì cha mẹ chị sẽ trả dứt điểm số nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Ngân hàng có phát mãi tài sản thì chị M không có ý kiến gì vì đây là tài sản của ông Ph1– bà H ; tuy nhiên, chị M xin Ngân hàng cho phương án để ông Ph1– bà H trả dần, không phát mãi để cha mẹ chị nuôi Tôm trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Khải H1 và anh Nguyễn Khải M1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn trình bày ý kiến đề ngày 12/3/2024 như sau: Cha mẹ của anh H1 và anh M1 là ông Ph1– bà H có vay tiền của Ngân hàng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là đúng, hiện nay ông Ph1 – bà H còn nợ vốn gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi như Ngân hàng trình bày. Do nuôi Tôm thua lỗ nên ông Ph1– bà H không có khả năng trả nợ. Nay, anh H1 và anh M1 xin Ngân hàng gia hạn để các chị em của anh trả dần cho Ngân hàng mỗi năm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho đến khi dứt nợ. Đồng thời anh H1 và anh M1 đề nghị Ngân hàng xem xét hoàn cảnh khó khăn của gia đình mà không tính lãi nữa và không phát mãi tài sản do gia đình có ít đất để cho cha mẹ dưỡng già.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị B : Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng chị B không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Trong quá trình

giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành triệu tập các đương sự nhưng chị B cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho các đương sự được biết và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 19/3/2024, chị B vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Chứng cứ Tòa án thu thập được là: Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Diễm M đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H , chị Nguyễn Thị B , anh Nguyễn Khải H1 và anh Nguyễn Khải M1 mặc dù Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị H , chị Nguyễn Thị B , anh Nguyễn Khải H1 và anh Nguyễn Khải M1 theo quy định của pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Văn Ph1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi đến ngày 29/3/2024 tổng cộng là 258.761.301đ (hai trăm năm mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn ba trăm lẻ một đồng); trong đó vốn gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 76.419.863đ (bảy mươi sáu triệu bốn trăm mười chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng), lãi quá hạn là 32.341.438đ (ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng). Đồng thời, vợ chồng ông Ph1– bà H còn phải tiếp tục liên đới trả lãi phát sinh theo lãi suất của Hợp đồng kể từ ngày 30/3/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp vợ chồng ông Ph1– bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế

chấp để thu hồi nợ. Quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Văn Ph1 cư trú tại ấp G , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H , chị Nguyễn Thị B , anh Nguyễn Khải H1 và anh Nguyễn Khải M1 đã được triệu tập họp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Khải H1 và anh Nguyễn Khải M1.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Xét tính hiệu lực của Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201700245 ngày 02/3/2017. Ông Ph1 đã nhận đủ số tiền vay là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay để nuôi tôm. Nội dung của hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật. Xác định hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201700245 ngày 02/3/2017 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân và ông Ph1 đã nhận đủ tiền vay là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Như vậy Ngân hàng đã thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

Sau khi vay được tiền, ông Ph1 đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng như thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, ông Ph1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phải trả toàn bộ số nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[2.1.2] Đối với nợ lãi: Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201700245 ngày 02/3/2017 có lãi suất thỏa thuận là 10,5%/năm; trả lãi hàng quý. Đây là lãi suất do

các bên thỏa thuận và không vi phạm các quy định của pháp luật về lãi suất. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Ph1 đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Ph1 phải trả nợ lãi trên dư nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn Ph1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H liên đới trả tiền các khoản nợ trên cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên hòa giải theo lời trình bày của ông Ph1 và bà H thì việc vay nợ của ông Ph1 mục đích nuôi tằm, cùng phát triển kinh tế gia đình, mục đích là tìm kiếm lợi nhuận để phục vụ cho nhu cầu kinh tế chung của gia đình. Ông Ph1 và bà H là vợ chồng, cùng lao động, cùng sinh hoạt trong gia đình và cùng lấy tài sản chung để đảm bảo cho khoản nợ vay. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Ph1 và bà H cùng liên đới trả các khoản nợ vốn và lãi cho Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày 30/3/2024, vợ chồng ông Ph1 – bà H1 còn phải tiếp tục liên đới chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản:

Đối với yêu cầu đề nghị xử lý khối tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, vợ chồng ông Ph1– bà H đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 149/HĐ/29/2017/HĐTC ngày 02/3/2017 tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số E 0629175 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ph1 ngày 20/4/1996; phần đất có diện tích 9960m² tại thửa số 683 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp G , xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; có vị trí tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa 122 và 126.
- + Hướng Tây giáp thửa 98.
- + Hướng Nam giáp thửa 684.
- + Hướng Bắc giáp Kênh.

Tài sản trên đất là của vợ chồng ông Ph1 – bà H , hiện do ông Ph1– bà H và các con đang quản lý sử dụng, có:

+ 01 căn nhà cấp 4, cột bê tông cốt thép, tường gạch tô sơn hoàn thiện, mái lợp tôn thiết, nền lót gạch Ceramic; chiều ngang 4,8m x dài 19m xây dựng năm 2007.

+ 01 cây dừa loại B.

+ 04 ao nuôi Tôm bỏ hoang.

Khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản thì vợ chồng ông Ph1 – bà H tự nguyện, trực tiếp ký kết với Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông Ph1– bà H đều thừa nhận phần đất này hiện nay vợ chồng ông Ph1 – bà H và các con là Nguyễn Thị Diễm M , Nguyễn Thị B , Nguyễn Khải H1 và Nguyễn Khải M1 đang quản lý sử dụng. Đồng thời, ông Ph1– bà H đồng ý cho Ngân hàng được đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án nếu vợ chồng ông Ph1 – bà H không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Riêng các con của vợ chồng ông Ph1 – bà H xin Ngân hàng không phát mãi phần diện tích đất thế chấp để cho cha mẹ dưỡng già. Hội đồng xét xử nhận định: Khi ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản, đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Theo đó thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp do hai bên ký kết có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp vợ chồng ông Ph1 – bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó, trường hợp vợ chồng ông Ph1 – bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp thì bị đơn Nguyễn Văn Ph1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H , chị Nguyễn Thị Diễm M , chị Nguyễn Thị B , anh Nguyễn Khải H1 và anh Nguyễn Khải M1 phải bàn giao tài sản theo Hợp đồng thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vợ chồng ông Ph1 – bà H phải liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên

vợ chồng ông Ph1 – bà H phải liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền nêu trên là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vợ chồng ông Ph1 – bà H phải liên đới chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[5] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 295, 303, 325, 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Ph1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Ph1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng N dư nợ tính đến ngày 29/3/2024 tổng cộng là 258.761.301đ (hai trăm năm mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn ba trăm lẻ một đồng); trong đó vốn gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 76.419.863đ (bảy mươi sáu triệu bốn trăm mười chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng), lãi quá hạn là 32.341.438đ (ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

Đồng thời ông Ph1– bà H còn phải liên đới trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh

tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 30/3/2024 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

3. Trường hợp ông Nguyễn Văn Ph1 và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng N và Ngân hàng đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì bị đơn Nguyễn Văn Ph1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H , chị Nguyễn Thị Diễm M , chị Nguyễn Thị B , anh Nguyễn Khải H1 và anh Nguyễn Khải M1 phải giao tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 149/HĐ/29/2017/HĐTC ngày 02/3/2017 tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số E 0629175 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ph1 ngày 20/4/1996; phần đất có diện tích 9960m² tại thửa số 683 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp G , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; có vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 122 và 126.

+ Hướng Tây giáp thửa 98.

+ Hướng Nam giáp thửa 684.

+ Hướng Bắc giáp Kênh.

Tài sản trên đất là của vợ chồng ông Ph1 – bà H , hiện do ông Ph1 – bà H và các con đang quản lý sử dụng, có:

+ 01 căn nhà cấp 4, cột bê tông cốt thép, tường gạch tô sơn hoàn thiện, mái lợp tôn thiết, nền lót gạch Ceramic; chiều ngang 4,8m x dài 19m xây dựng năm 2007

+ 01 cây dừa loại B.

+ 04 ao nuôi Tôm bỏ hoang.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn Ph1 và bà Nguyễn Thị H liên đới chịu là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn Ngân hàng N đã nộp xong, ông Nguyễn Văn Ph1 và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho nguyên đơn 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Ph1 và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu là 12.938.065đ (mười hai triệu chín trăm ba mươi tám nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng).

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.279.708đ (sáu triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn

bảy trăm lẻ tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000313 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

6. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU